

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 20-6-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY – TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Tân và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên
tòa:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, phường PB, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2021/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2021, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các bên đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT; địa chỉ: Số 108 đường T, phường CN, Quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT. Vắng mặt, đã ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Tuấn V, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT- Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế. Địa chỉ Chi nhánh: Số 45 đường TT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Văn bản ủy quyền số 192/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 25/02/2021. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần xăng dầu ND; địa chỉ: Km 14, quốc lộ 9, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Phạm Cao C, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xăng dầu ND. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền là: Ông Lê Như T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 1, xã TC, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vừa có yêu cầu độc lập) là:*

3.1. Ông Văn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh N. Địa chỉ: Số 16 đường NVL, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt bà N, vắng mặt ông C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Văn Đình C là: Bà Nguyễn Thị Thanh N. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà N là: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Công ty Luật TNHH Quốc Tế NT, thuộc Đoàn Luật sư thành

phố Hà Nội. Địa chỉ: Tòa nhà H, số 06, Ngõ 125 phố Đ, phường TV, quận NTL, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Như Y. Nơi đăng ký thường trú: Lô F49- khu đô thị mới AC , phường ADD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú hiện nay: Số 16 đường TTN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2021, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã cho Công ty cổ phần xăng dầu ND (được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn ND; sau đây viết tắt là Công ty ND) vay vốn nhằm mục đích kinh doanh buôn bán xăng dầu. Vào ngày 28/3/2019, Ngân hàng và Công ty ND đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT462-CT TNHH MTV XĂNG DẦU ND và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT462-CT TNHH MTV XANG DAU ND ngày 19/12/2019 (gọi chung là Hợp đồng tín dụng) để cho Công ty ND vay tiền, hạn mức vay là 25.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 28/03/2019 đến hết ngày 28/3/2020. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định tại Điều 02 của Hợp đồng (là 7,2%/năm và có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh kể từ ngày ký hợp đồng). Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả gốc và lãi vay: Trả lãi định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả vào ngày được ghi trên giấy nhận nợ. Về tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, mang tên ông Văn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh N; Theo Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU ND ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, mang tên ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Như Y, theo Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU ND ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019. Các Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng cho vay tiền nói trên, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty NĐ đã nhận tiền vay theo các giấy nhận nợ với tổng số tiền là 15.072.500.000 đồng. Quá trình Thực hiện hợp đồng, về phía bị đơn là Công ty NĐ đã trả nợ gốc với tổng số tiền là 8.220.000.000 đồng và nợ lãi theo các Giấy nhận nợ, sau đó thì không trả nữa. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc trả nợ nhưng bị đơn vẫn không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc và lãi sang nợ quá hạn từ ngày 28/3/2020. Do bị đơn là Công ty NĐ vi phạm về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, cố tình không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 03/4/2021 nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu NĐ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT số tiền nợ gốc còn lại là 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là 783.561.281 đồng, tổng cộng là 9.446.372.335 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 20/6/2022 cho đến khi thi hành xong số tiền nói trên, theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn là Công ty NĐ không trả đủ nợ hoặc bên thế chấp không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu NĐ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực đối số tiền nợ gốc còn lại là: 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là: 783.561.281 đồng; tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 20/6/2022) cho đến khi bị đơn là Công ty NĐ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn là Công ty NĐ không trả đủ nợ hoặc bên thế chấp không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: 1. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, mang tên ông Văn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh N, theo Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU NĐ ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019; 2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, mang tên ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Như Y, theo Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NĐ ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019 để trả nợ cho nguyên đơn là

Ngân hàng. Nếu tài sản phát mãi không thu hồi đủ trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả nợ xong.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2021, bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND và người đại diện hợp pháp trình bày: Vào ngày 28/3/2019, Công ty cổ phần xăng dầu ND và Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT462-CT TNHH MTV XĂNG DẦU ND ngày 28/03/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT462-CT TNHH MTV XANG DAU ND ngày 19/12/2019 để vay tiền của Ngân hàng với hạn mức vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán xăng dầu. Về phương thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì kể từ ngày 28/03/2019 đến hết ngày 28/3/2020. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định tại Điều 02 của Hợp đồng; Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Thời hạn trả gốc và lãi vay: Trả lãi định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả vào ngày trả được ghi trên Giấy nhận nợ. Quá trình Thực hiện Hợp đồng vay tiền nói trên, thì Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty ND vay với số tiền là 15.072.500.000 đồng. Về phía bị đơn Công ty ND có trả nợ gốc với tổng số tiền là 8.220.000.000 đồng và nợ lãi theo các Giấy nhận nợ. Sau đó, do tình hình kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên không có khả năng để trả nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo quy định trong hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 20/6/2022, bị đơn là Công ty ND còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn là: 783.561.281 đồng, tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn cô tình vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến gì thêm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 16/9/2021, văn bản trình bày ý kiến ngày 19/10/2021 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vừa có yêu cầu độc lập) là ông Văn Đình C, bà Nguyễn Thị Thanh N, trình bày: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng đối với bị đơn Công ty ND thì đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn là Công ty ND phải Thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền nói trên cho nguyên đơn vì bị đơn vẫn còn có khả năng để trả nợ số tiền nợ gốc còn lại, còn về tiền lãi thì đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi quá hạn cho bị đơn. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ mà nguyên đơn yêu cầu thì ông C bà N đề nghị Tòa án xem xét. Ngày 16/7/2021, ông Văn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh N có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU ND ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019 vô hiệu, vì hợp đồng thế chấp tài sản trên về mặt nội dung có bản chất như hợp đồng bảo lãnh và theo quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai thì không quy định việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vừa có yêu cầu độc lập) là bà Nguyễn Thị Như Y, ông Nguyễn Duy Q trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án trình bày: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng đối với bị đơn

Công ty NĐ thì đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn là Công ty NĐ phải Thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền nói trên cho nguyên đơn, vì hiện nay bị đơn vẫn còn tài sản và còn có khả năng để trả nợ số tiền nợ gốc còn lại, về tiền lãi phát sinh thì đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm lãi quá hạn cho bị đơn. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ mà nguyên đơn yêu cầu thì ông Q bà Y đề nghị Tòa án xem xét. Ngày 20/7/2021, ông Nguyễn Duy Q và bà Nguyễn Thị Như Y có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NĐ ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019 vô hiệu, vì hợp đồng thế chấp tài sản trên về mặt nội dung có bản chất như hợp đồng bảo lãnh và theo quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai thì không quy định việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất.

Về phía người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Văn Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh N là luật sư Nguyễn Văn T, trình bày: Về việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn theo các hợp đồng tín dụng thì đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án xem xét tuyên bố các hợp đồng thế chấp vô hiệu, vì hợp đồng thế chấp tài sản trên về mặt nội dung có bản chất như hợp đồng bảo lãnh và theo quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai thì không quy định việc bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu NĐ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Như Y, ông Nguyễn Duy Q mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466, 467, 468 và 470 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 4, 5, 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính Phủ; Các Điều 90, 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT đối với bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu NĐ; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y về yêu cầu tuyên bố các hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu. Buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu NĐ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT số tiền nợ gốc là 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn là: 783.561.281 đồng; Tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng ngay sau khi bản án

có hiệu lực pháp luật. Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu thêm một khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 21/6/2022 trở đi cho đến khi thi hành xong, theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng. Nếu bị đơn không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và Biên bản thỏa thuận ngày 03/4/2021, giữa bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND và nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi có Trụ sở làm việc của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT - Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế, số 45 đường Thuận Hóa, phường PB, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý, giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã thụ lý, giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay, về phía bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Văn Đình C vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp và luật sư tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các Hợp đồng cho vay hạn mức và các Giấy nhận nợ mà bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần NHCT - Chi nhánh Thừa Thiên Huế (viết tắt là Ngân hàng) với bên vay là Công ty cổ phần xăng dầu ND (viết tắt là Công ty ND), đã ký kết. Cụ thể:

Vào ngày 28/3/2019, Ngân hàng và Công ty ND đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT462-CT TNHH MTV XĂNG DẦU ND ngày 28/03/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCV-SĐBS01/NHCT462-CT TNHH MTV XANG DAU ND ngày 19/12/2019 để cho Công ty ND vay tiền với hạn mức vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, mua bán xăng dầu. Phương thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì kể từ ngày 28/03/2019 đến hết ngày 28/3/2020. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định tại Điều 02 của Hợp đồng (là 7,2%/năm, tức là 0,6%/tháng cho kỳ

tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh kể từ ngày ký hợp đồng). Lãi suất cho vay đối với dư nợ gốc bị quá hạn: 150% lãi trong hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả gốc và lãi vay: Trả lãi định kỳ mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả vào ngày được ghi trên Giấy nhận nợ.

Để bảo đảm cho việc Thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng hạn mức nói trên, bên thứ ba là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N (là cổ đông của công ty) và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y đã tự nguyện dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để thế chấp, bảo đảm cho việc Thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty NĐ, gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, mang tên ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N; Theo Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU NĐ ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019;

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, mang tên ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y theo Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NĐ ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019.

Trong Hợp đồng hạn mức tín dụng và các Giấy nhận nợ nói trên thì bên vay là bị đơn Công ty NĐ đã được nguyên đơn là Ngân hàng cho vay số tiền là 15.072.500.000 đồng. Trong quá trình Thực hiện hợp đồng phía Công ty NĐ đã trả được số tiền nợ gốc là 8.220.000.000 đồng và nợ lãi theo các Giấy nhận nợ. Sau đó, Công ty NĐ đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại hợp đồng. Khoản vay đã quá hạn từ ngày 28/3/2020, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng bị đơn vẫn không Thực hiện. Hiện nay bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là: 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là: 783.561.281 đồng; tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn là Công ty NĐ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là: 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là: 783.561.281 đồng, tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng (kèm theo Bảng kê chi tiết tính lãi mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án) và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 20/6/2022) cho đến khi bị đơn là Công ty NĐ thanh toán xong nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa. Về phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh N và Luật sư

bảo vệ quyền lợi lợi ích hợp pháp của ông C, bà N thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền nói trên cho nguyên đơn, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm tiền lãi cho bị đơn nhưng không được nguyên đơn chấp nhận giảm lãi.

Xét thấy các Hợp đồng cho vay hạn mức được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty NĐ là tự nguyện, về hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 385, 398, 463 Bộ luật dân sự; Các Điều 90, 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, các bên phải có trách nhiệm Thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình Thực hiện hợp đồng về phía bị đơn là Công ty NĐ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn mới khởi kiện tại Tòa án. Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Do đó, cần buộc bị đơn là Công ty NĐ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực đối với số tiền nợ gốc còn lại là: 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/6/2022 là: 783.561.281 đồng, tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm, là ngày 20/6/2022 cho đến khi bị đơn là Công ty NĐ thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU NĐ ngày 22/8/2019 giữa Ngân hàng và ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N đã được công chứng tại Phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 22/8/2019, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 23/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019 đã được công chứng tại Phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/12/2019. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NGO ĐONG ngày 28/6/2019 giữa Ngân hàng và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y đã được công chứng tại Phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được công chứng tại Phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/6/2019, đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019, đã được công chứng tại Phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/12/2019. Xét thấy các Hợp đồng thế chấp nói trên là hoàn toàn tự nguyện, đã được Cơ quan công chứng chứng nhận và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 295, 298, 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Điều 4, 5, 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính Phủ nên các Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Theo các biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2022 của Tòa án thì tài sản thế chấp, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, và ngôi nhà có kết cấu 03 tầng trên thửa đất vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N, không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, vẫn thuộc quyền sử dụng của ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y, không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bị đơn là Công ty NĐ không Thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc Thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ theo quyết định bản án của Tòa án đã có hiệu lực thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, mang tên ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N; Theo Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU NĐ ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019;

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, mang tên ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y theo Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NĐ ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019 để thu hồi nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Nếu tài sản thế chấp đã xử lý không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì Công ty NĐ phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả nợ xong. Trường hợp Công ty NĐ đã thi hành án xong và tài sản thế chấp không bị kê biên, phát mãi, bán đấu giá thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ về tài sản đã thế chấp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y theo quy định của pháp luật.

- 2.3. Xét về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y và ý kiến của luật sư tại phiên tòa là đề nghị Tòa án tuyên bố các hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu, thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU NĐ ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019; Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU NĐ ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

thể chấp số 2406.01/2019/HĐBD/NHCT462 ngày 12/12/2019 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đã được Cơ quan công chứng chứng T và đã được đăng ký biện pháp bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 295, 298, 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Điều 4, 5, 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính Phủ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận về yêu cầu độc lập của ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về án phí sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cần buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm theo loại có giá ngạch là: 117.446.000 đồng; tức là: [112.000.000 đồng + (0,1% x 5.446.372.335 đồng) = 117.446.000 đồng] án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 58.208.000 đồng mà nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần NHCT đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001379 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí kinh doanh thương mại về yêu cầu độc lập không được chấp nhận, theo loại không có giá ngạch là: 3.000.000 đồng, ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N đã nộp số tiền 3.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001424 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

- Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại về yêu cầu độc lập không được chấp nhận, theo loại không có giá ngạch là 3.000.000 đồng, ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y đã nộp số tiền 3.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001424 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

[4]. Về chi phí tố tụng khác: Là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 3.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng này. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ số tiền này, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 73, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b Điều 3 và khoản 2, khoản 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 463, 466, 467, 468 và 470 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 4, 5, 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017, Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 của Chính Phủ; Các Điều 90, 91,

điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT đối với bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND;

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N và ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y về yêu cầu tuyên bố các hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu. Xử:

- Buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND phải chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT số tiền nợ gốc là 6.852.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 1.810.311.054 đồng, nợ lãi quá hạn là: 783.561.281 đồng; Tổng cộng là: 9.446.372.335 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu thêm một khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 21/6/2022 trở đi cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu là Ngân hàng Thương mại cổ phần NHCT, nếu Công ty cổ phần xăng dầu ND không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần NHCT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất, tại thửa đất số Lô T5, tờ bản đồ số KQH, tọa lạc tại số 16 đường NVL, Khu dân cư BHS, giai đoạn 1 (mở rộng), phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, diện tích 126,75m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AI 218593, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 02/10/2007, mang tên ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N; Theo Hợp đồng thế chấp số 2008/2019/HĐBĐ/NHCT462-XANG DAU ND ngày 22/8/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2008.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 13/12/2019;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 176 (174-3), tờ bản đồ số 28, diện tích 142,5m², tọa lạc tại số 302 đường LD, phường PT (nay là phường TH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang số hiệu BT 250694, đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/8/2015, cập nhật thay đổi chủ sở hữu vào ngày 17/11/2016, mang tên ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y theo Hợp đồng thế chấp số 2406/2019/HĐBĐ/NHCT462-TNHH MTV XANG DAU ND ngày 28/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2406.01/2019/HĐBĐ/NHCT462 ngày 12/12/2019 để thu hồi nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý không đủ để trả nợ cho nguyên đơn thì bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc bị đơn là Công ty cổ phần xăng dầu ND phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 117.446.000 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 58.208.000 đồng cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần NHCT, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001379 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí kinh doanh thương mại về yêu cầu độc lập không được chấp nhận là: 3.000.000 đồng. Ông bà Văn Đình C, Nguyễn Thị Thanh N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001424 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

- Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại về yêu cầu độc lập không được chấp nhận là 3.000.000 đồng. Ông bà Nguyễn Duy Q, Nguyễn Thị Như Y đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001424 ngày 29/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

4. Về chi phí tố tụng khác: Là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ hết 3.000.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng này. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ số tiền này, nay được khấu trừ nên không phải nộp nữa.

Báo cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX Hương Thủy;
- Chi cục THADS Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Phú